TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2022/HC-PT
Ngày 26 - 7 - 2022
V/v: *"Khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Tấn Trường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Thu Hiền,** Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*: Bà Trần Thị Thắng,** Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 110/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc *"Kiện hành vi hành chính về việc không nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1912/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn T. Địa chỉ: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T1. Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng H – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Sơn V - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xử vắng

mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại điện theo ủy quyền trình bày:

Vợ chồng ông T và bà N là chủ sử dụng thửa đất Thửa đất số 42e, tờ bản đồ số 10 - Diện tích: 3204,3 m^2 và Thửa số 3a, tờ bản đồ số 14 - Diện tích: 1795,7 m^2. Tổng diện tích hai thửa đất là 5000m^2, mục đích sử dụng đất: đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, nguồn gốc nhận chuyển nhượng và đã được Ủy ban nhân dân xã N (sau đây viết là UBND) xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng ổn định, không có tranh chấp tại văn bản số: 25 ngày 04/8/2008 (văn bản này đang được phòng tài nguyên môi trường thị xã N lưu giữ).

Diện tích 5000m^2 đất nêu trên được UBND huyện N nay là thị xã N, tỉnh Khánh Hòa ra quyết định thu hồi số: 2450/QĐ-UBND, ngày 24/9/2009 để giao cho doanh nghiệp đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp N nhưng đã bị Toà Án Nhân Dân Cấp Cao Tại Đà Nẵng có quyết định huỷ bỏ tại bản án phúc thẩm số: 22/2020/HC-PT ngày 20/11/2020 nên đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Ngày 29/1/2021, thông qua bưu điện ông T và bà N đã gửi một bộ hồ sơ cho UBND thị xã N để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích nêu trên; các ngày 01 và 02/02/2021 bưu cục N đã 4 lần phát cho UBND thị xã N nhưng đều bị từ chối.

Vì trước đó ông, bà N, ông T đã nhận cọc chuyển nhượng diện tích đất trên cho người mua và cam kết sẽ ra sổ đỏ rồi ký hợp đồng chuyển nhượng có công chứng cho bên mua trong hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ xin cấp giấy, nhưng do UBND thị xã N từ chối nhận hồ sơ bà N, ông T sai hẹn nên bị phạt cọc và đã phải bồi thường 25 tỷ đồng. Từ các căn cứ trên, bà N, ông T khiếu kiện hành vi hành chính về việc từ chối nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã N và buộc UBND thị xã N phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho người khởi kiện là 25.000.000.000đ (hai mươi lăm tỷ đồng).

Tại Văn bản số: 1997/UBND ngày 08/6/2021, người bị kiện - UBND thị xã N trình bày:

1. Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N, thời gian trước đây bộ phận Một cửa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N cũng như UBND phường N chưa có tiếp nhận lần nào.

Đến ngày 19/5/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã N có tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N (ông Nguyễn Văn T1 là đại diện theo ủy quyền). Mã hồ sơ số: 1062101602.

Ngày 20/5/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N chuyển liên thông hồ sơ cho UBND phường N để kiểm tra hồ sơ; xác nhận hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài sản gắn liền với đất, tình trạng tranh chấp đất, sự phù hợp với quy hoạch đối với trường hợp không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất; xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản theo quy định;

Ngày 24/5/2021, Chi nhánh Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N tiếp nhận lại hồ sơ từ UBND phường N, đồng thời phường N có Thông báo số: 31/TB-UBND ngày 21/5/2021 gửi Chi nhánh N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 bổ sung hồ sơ kỹ thuật đo vẽ hai thửa đất số 42e và 3a phường N.

Hiện nay, Chi nhánh Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N đã thông báo cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N liên hệ để làm thủ tục đo vẽ thửa đất để bổ sung hồ sơ theo quy định.

2. Về thu hồi đất thực hiện dự án:

Nguồn gốc thửa đất: Thửa đất số 42e, diện tích 3.204,3m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ trích đo số 10 và thửa đất số 3a, diện tích 1.795,7m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ trích đo số 14 tại phường N (bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng và kinh doanh CSHT Khu công nghiệp N), do ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N nhận chuyển nhượng của bà Đoàn Thị Nở ngày 30/4/2000 (bằng giấy viết tay).

Thực hiện Quyết định số: 2627/QĐ-UB ngày 07/10/2004 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Khu Công nghiệp N, Quyết định số: 1030/QĐ-UBND ngày 06/05/2005 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thu hồi đất do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số: 2606/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số: 1030/QĐ-UBND ngày 06/05/2005 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thu hồi đất do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân sử dụng năm trong dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 25/5/2005 UBND huyện N (nay là UBND thị xã N) ban hành Thông báo số: 52/TB-UBND về việc thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi công bố thông báo số: 52/TB-UBND ngày 25/5/2005, UBND thị xã N đã tổ chức tiến hành đo đạc hiện trạng từng thửa đất và kiểm kê khối lượng vật kiến trúc có trên đất của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân cần phải giải tỏa để thực hiện dự án, trong đó có trường hợp của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N. Trong quá trình thực hiện công tác giải phóng mặt bằng của dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N, UBND thị xã N đã ban hành các quyết định điều chỉnh bổ sung về thu hồi đất, bồi thường,- hỗ trợ đối với ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N, như sau:

- Quyết định số: 2450/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số: 3798/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND thị xã N về việc điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND huyện N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số: 2064/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N (Đợt 1), trong đó có trường hợp ông Phạm Văn T.

- Quyết định số: 2440/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của UBND thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Văn T để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N.

- Quyết định số: 662/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án chi tiết điều chỉnh, bổ sung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N (Đợt 1 điều chỉnh, bổ sung lần 3), trong đó có trường hợp ông Phạm Văn T.

- Quyết định số: 6402/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của UBND thị xã N

về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Văn T khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N (Đợt 1 điều chỉnh, bổ sung lần 3).

- Quyết định số: 1334/QĐ-UBND ngay 24/6/2019 của UBND thị xã N về việc điều chỉnh Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 24/9/2009 của UBND huyện

(nay là thị xã) N về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa.

- Quyết định số: 1335/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án chi tiết điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N (Đợt 1 điều chỉnh lần 6). Địa điểm: phường N, thị xã N.

- Quyết định số: 1336/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thị xã N về việc phê duyệt phương án chi tiết điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N (Đợt 1 điều chỉnh, bổ sung lần 3). Địa điểm: phường N, thị xã N.

- Quyết định số: 1347/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND thị xã N về việc phê duyệt điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số: 2440/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của UBND thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn T khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp N. Địa điểm: phường N, thị xã N.

- Quyết định số: 1348/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND thị xã N về việc phê duyệt điều chỉnh tên người sử dụng đất tại Quyết định số: 6402/QĐ - UBND ngày 24/7/2014 của UBND thị xã N về việc phê duyệt kinh phí bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn T khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N. Địa điểm: phường N, thị xã N.

Không đồng ý với việc UBND thị xã N ban hành các quyết định nêu trên, bà Phạm Thị N đã có đơn khởi kiện ghi ngày 22/5/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 04/7/2019 yêu cầu hủy tất cả các quyết định nêu trên.

Ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Thông báo thụ lý vụ án hành chính số: 38/2014/TLST-HC. Đến ngày 11/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính và đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N (Theo bản án số: 07/2010/HC-ST ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa).

Không đồng ý với Bản án số: 07/2020/HC-ST ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, ngày 10/7/2020, bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy các quyết định của UBND thị xã N liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N.

Ngày 24/8/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Thông báo thụ lý vụ án hành chính số: 229/2020/TLPT- HC. Đến ngày 20/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính và đã chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định (trong đó có hai quyết định hủy một phần đó là: Quyết định số: 2064/QĐ-UBND ngày 17/11/20210, Quyết định số: 662/QĐ-UBND ngày 17/3/20214 của UBND thị xã N) hành chính bị khởi kiện để UBND thị xã N xem xét giải quyết lại cho người khởi kiện trong quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Bản án số: 22/2020/HC-PT ngày 22/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và để giải quyết việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh CSHT Khu công nghiệp N đúng theo quy định của pháp luật, UBND thị xã N đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của thị xã kiểm tra và tham mưu giải quyết thu hồi đất, bồi thường, luật hỗ trợ cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N theo đúng quy định pháp Theo quy định tại Khoản 6, Điều 19 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, có quy định:

"Điều 19. Các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

6. Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Như vậy, theo quy định trên thì thửa đất số 42e, diện tích 3.204,3m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ trích đo số 10 và thửa đất số 3a, diện tích 1.795,7m^2, loại đất CLN, tờ bản đồ trích đo số 14 tại phường N (bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng và kinh doanh CSHT Khu công nghiệp N) ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị Chiến kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện để xem xét giải quyết. Bởi vì:

Sau khi, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số: 2627/QĐ-UB ngày 07/10/2004 về việc thành lập Khu Công nghiệp N; Quyết định số: 1030/QĐ-UBND ngày 06/05/2005 về việc thu hồi đất do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số: 2606/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số: 1030/QĐ-UBND ngày 06/05/2005 về việc thu hồi đất do tổ chức, cộng đồng dân

cư, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa. Ngày 25/5/2005, UBND huyện N (nay là UBND thị xã N) ban hành Thông báo số: 52/TB-UBND về việc thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa, UBND thị xã N đã triển khai công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật từ năm 2005 cho đến nay.

Theo các nội dung phúc đáp nêu trên, UBND thị xã N có ý kiến như sau: Không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện về "Khiếu kiện hành vi hành chính về việc từ chối nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ƯBND thị xã N và buộc UBND thị xã N phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho người khởi kiện là 25.000.000.000 đ (Hai mươi lăm tỷ đồng)".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tôi có thỏa thuận với ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N để mua thửa đất số 42e, tờ bản đồ số 10 và thửa số 3a, tờ bản đồ số 14 tại phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa với giá 10 tỷ đồng, vì phía bà N, ông T đã nhận cọc nhưng không thực hiện thỏa thuận (hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ) bị từ chối nhận nên tôi đã hủy thỏa thuận này và phạt cọc ông T bà N 25 tỷ đồng; ông T, bà N cũng đã giao tiền cho tôi. Nay tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng Người bị kiện vắng mặt nên việc đối thoại không thể thực hiện được. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Với nội dung trên,

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2022/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Điều 116, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Quyết định:

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T và bà Phạm thị N về hành vi từ chối nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N về buộc UBND thị xã N phải bồi thường thiệt hại 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

1.3. Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N buộc UBND thị xã N phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà N đối với thửa đất số 42e, tờ bản đồ số 10 và thửa số 3a tờ bản đồ số 14 tại xã N, N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông, bà đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001444 ngày 10/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N phải chịu 133.000.000 đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng) tiền án phí dân sự đối với phần bị bác yêu cầu.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/3/2022, người khởi kiện kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm do vi phạm tố tụng và Cấp sơ thẩm vấn xét xử yêu cầu khởi kiện yêu cầu bồi thường trong khi ông đã rút đơn..

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Cấp cao:* Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các qui định pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo về yêu đã rút và sửa án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; người có quyền và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

[1.2] Các hành vi hành chính mà người khởi kiện khiếu kiện là các hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên yêu cầu của người khởi kiện thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 01/3/2021, ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N khiếu kiện hành vi hành chính về việc từ chối nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ủy ban nhân dân thị xã N và buộc ủy ban nhân dân thị xã N phải bồi thường thiệt hại đã gây ra cho người khởi kiện là 25.000.000.000đ (hai mươi lăm tỷ đồng). Đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2]Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung kèm theo các tài liệu của người khởi kiện; Văn bản trả lời số 1997/UBND ngày 08/6/2021 của UBND thị xã N; lời trình bày của bà N ngày 12/6/2021.

[2.1] ***Đối với hành vi từ chối nhận hồ sơ đăng ký GCNQSDĐ:***

Ngày 19/5/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã N có tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N (ông Nguyễn Văn T1 là đại diện theo ủy quyền). Mã hồ sơ số: 1.062101602.

Ngày 24/5/2021, Chi nhánh Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N tiếp nhận lại hồ sơ từ UBND phường N, đồng thời phường N có Thông báo số: 31/TB-UBND ngày 21/5/2021, Chi nhánh N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 bổ sung hồ sơ kỹ thuật đo vẽ hai thửa đất số 42e và 3a tại phường N.

Ngày 03/6/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã N đã có Thông báo số: 2309/TB-CNNH gửi ông Nguyễn Văn T1 - Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N để: "liên hệ tổ kỹ thuật địa chính thuộc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N để được hướng dẫn làm thủ tục đo vẽ thửa đất để kê khai cấp giấy bổ sung theo quy định", nhưng ông T và bà N không liên hệ với chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N để làm các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết tại toà án, ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N cũng như người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà N không cung cấp được các tài liệu chứng minh việc đã thực hiện bổ sung hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, do đó không có căn cứ để cho rằng UBND thị xã N từ chối nhận hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N là trái quy định pháp luật.

[2.2] ***Đối với yêu cầu buộc UBND thị xã N phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn T bà Phạm Thị N đối với thửa đất số 42e, tờ bản đồ số 10 và thửa số 3a tờ bản đồ số 14.***

Sau khi UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số: 2627/QĐ-UB ngày 07/10/2004 về việc thành lập Khu Công nghiệp N; Quyết định số: 1030/QĐ-UBND ngày 06/05/2005 về việc thu hồi đất do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số: 2606/QĐ-UBND ngày 20/10/2008 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số: 1030/QĐ- UBND ngày 06/05/2005 về việc thu hồi đất do tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa. Ngày 25/5/2005, UBND huyện N (nay là UBND thị xã N) ban hành Thông báo số: 52/TB-UBND về việc thực hiện dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp N - tỉnh Khánh Hòa, UBND thị xã N đã triển khai công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật từ năm 2005 cho đến nay.

Thửa đất số 42e, diện tích 3.204,3m2, loại đất CLN, tờ bản đồ trích đo số 10 và thửa đất số 3a, diện tích 1.795,7m2, loại đất CLN, tờ bản đồ trích đo số 14 tại phường N (bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án Xây dựng và kinh doanh CSHT Khu công nghiệp N) nằm trong dự án Khu Công nghiệp N đã được UBND tỉnh Khánh Hoà ra thông báo thu hồi đất và quyết định thu hồi đất tổng thể toàn dự án từ năm 2005, trong khi đó, năm 2021 ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N mới nộp hồ sơ đề nghị UBND thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N đã có thông báo số 2309/TB-CNNH ngày 03/6/2021, đề nghị ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N liên hệ để làm thủ tục đo vẽ đối với các thửa đất ông yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T và bà N không thực hiện.

Như vậy thửa đất mà vợ chồng ông T và bà N yêu cầu UBND thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 5, Điều 19 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: "Người sử dụng đất không có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

[2.3] ***Đối với kháng cáo v/v yêu cầu buộc UBND thị xã N bồi thường thiệt hại 25 tỷ đồng;***

Lẽ ra, khi giải quyết yêu cầu bồi thường trong vụ án hành chính; mà chưa có điều kiện để chứng minh (như quyết định có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền) thì tòa án xem xét các quy định về trách nhiệm bồi thường nhà nước…; có thể tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Ngoài ra, tại đơn kháng cáo kèm theo tài liệu đính kèm cũng như phiên tòa hôm nay, ông T cho rằng, ngày 10/6/2021 ông đã có đơn rút lại phần yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa Khánh Hòa đã nhận vào ngày 28/10/2021 và tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022 ngày 17/10/2022 Tòa án cấp sơ thẩm cũng chỉ xác định quan hệ tranh chấp là *"khiếu kiện hành vi hành chính về việc từ chối nhận hồ sơ cấp giấy"* nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu "bồi thường thiệt hại" mà vẫn tiếp xét xử bác yêu cầu về bồi thường thiệt hại là trái với nguyên tắc về quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện theo quy định tại Điều 8 Luật tố tụng hành chính nên cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo; Hủy và đình chỉ đối với yêu cầu bồi thường và sửa lại phần án phí sơ thẩm, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N không phải chịu 133.000.000 đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N không phải chịu, hoàn trả lại 300.000 đồng ông bà đã nộp ngày 14/3/2022 tại biên lai thu số 0009855 tại Cục Thi Hành án tỉnh Khánh Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Điều 32, Điều 116, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1.1. Hủy và đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại.

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N về hành vi từ chối nhận hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.3. Bác yêu cầu của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N buộc UBND thị xã N phải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà N đối với thửa đất số 42e, tờ bản đồ số 10 và thửa số 3a tờ bản đồ số 14 tại xã N, N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông, bà đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001444 ngày 10/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Về án phí phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N không phải chịu 133.000.000 đ (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

2.3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N không phải chịu, hoàn trả lại 300.000 đồng ông bà đã nộp ngày 14/3/2022 tại biên lai thu số 0009855 tại Cục Thi Hành án tỉnh Khánh Hòa.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn